

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M  
TỈNH YÊN BÁI**

Bản án số: 09/2022/HS-ST

Ngày: 06 - 7 - 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH YÊN BÁI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lường Văn Sanh

2. Ông Giàng A Tủa

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lý A Hờ, thư ký tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Yên Bái.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:*** Ông Giàng A Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2022/TLST- HS ngày 31 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST - HS ngày 23 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

**Vừ A M**, tên gọi khác: không, Sinh ngày 06/10/1996 tại: huyện M, tỉnh Yên Bái Nơi cư trú: Bản C, xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vừ A D - SN: 1958; và bà Đình Thị S - SN: 1958; Chung sống như vợ chồng với Vàng Thị S - sinh năm 2001 và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 13/02/2022; Có mặt.

***- Người bào chữa cho bị cáo:*** Ông Đỗ Viết K - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Yên Bái. Có mặt.

***- Bị hại:***

1. Ông Vừ A V, sinh năm 1977, trú tại Bản C, xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Ông Vàng A T, sinh năm 1981, trú tại bản T, xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

***- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Nguyễn Tiến S, sinh năm 1983, trú tại phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

2. Anh Phạm Minh Đ, sinh năm 1983, trú tại tổ 2, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Mông*: Ông Thào A D

Địa chỉ: tổ 5, thị trấn M, huyện M, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/01/2022, tại nhà ông Vừ A V, sinh năm 1977, trú tại Bản C, xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái, Vừ A M gặp Vừ A L (là con trai ông V) hỏi mượn chiếc xe máy của ông V đi xuống thị xã N. L gọi điện thoại cho ông V nói là M hỏi mượn chiếc máy của gia đình, Vàng đồng ý nên L đưa chìa xe máy cho M và bảo M điều khiển xe máy xuống khu ruộng của gia đình gặp ông V để lấy đăng ký xe và bảo hiểm xe. Sau khi mượn được xe và lấy giấy tờ xe, M điều khiển chiếc xe Honda Wave RSX, biển kiểm soát: 21K1-519.97 đi thị xã N, lúc này M nảy sinh ý định lấy chiếc xe máy của V đi cầm cố, M đến hiệu cầm đồ “Nguyễn S” gặp Nguyễn Tiên S, sinh năm 1983, trú tại phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái, nói chiếc xe máy này là của anh trai bị ốm đang điều trị ở bệnh viện, cần tiền điều trị và anh trai nhờ cầm cố chiếc xe, sau khi kiểm tra giấy đăng ký chiếc xe S trả giá cầm cố là 12.000.000 đồng, M đồng ý và đưa đăng ký xe cho S rồi cùng làm giấy tờ cầm cố chiếc xe. M bảo S chuyển số tiền 12.000.000 đồng vào tài khoản số 0141000823011 của M. Nhận được tiền M đi đến một quán nước gần bên xe khách N ngồi uống nước rồi chuyển khoản để trả nợ cho Phạm Thị H số tiền 5.000.000 đồng, và trả cho Vàng A T số tiền 6.000.000 đồng, số tiền còn lại Vừ A M sử dụng mua tiền ảo kỹ thuật số “Bitcoin” qua chiếc điện thoại của M và sử dụng hết toàn bộ số tiền vừa thế chấp chiếc xe máy. Đến ngày 02/02/2022, M về nhà và nói với V là chiếc xe máy của V đã bị cảnh sát giao thông thị xã N bắt giữ do vi phạm giao thông, M hẹn đến ngày 06/02/2022 sẽ đi lấy chiếc xe về trả cho V, nghe vậy Vàng tin là thật nên không hỏi M gì thêm.

Đến ngày 05/02/2022, không có tiền để chuộc chiếc xe máy của V nên Vừ A M nảy sinh ý định mượn chiếc xe máy Honda Vision; BKS 21 B2 - 016.43 của bố vợ là Vàng A T, trú tại bản T, xã N đi bán để có tiền chuộc chiếc xe máy của V ra, M bảo vợ là Vàng Thị S gọi điện hỏi bố mẹ (vợ) mượn chiếc xe mô tô để M đi rút tiền trong tài khoản ở Ngân hàng tại N (nhưng thực tế trong tài khoản của M không còn tiền) M nói như vậy để lừa vợ hỏi mượn giúp M, S gọi điện thoại cho Giàng Thị S (là mẹ S) thì S nói lại với M là phải hỏi ông Vàng A T. Không thấy bố mẹ (vợ) trả lời nên M điều khiển chiếc xe máy của gia đình M có biển kiểm soát 21B2-18.567 đi đến nhà T, khi đi đến khu vực bản T, xã N, huyện M thì gặp Vàng

Thị S (là con gái của T) đang điều khiển chiếc xe Honda Vision, biển kiểm soát 21B2-016.43 đi ngược chiều, M dừng xe lại và hỏi S cho M mượn xe để đi chợ vì xe của M không có giấy tờ sợ bị cảnh sát giao thông kiểm tra, S đồng ý và đã đưa chiếc xe mô tô mà S đang đi cho M mượn, còn S đi chiếc xe của M. Mượn được chiếc xe mô tô, M đi xuống thẳng thị xã N, M đi đến một hiệu cầm đồ của Phạm Minh Đ, sinh năm 1983, trú tại tổ 2, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. M nói muốn bán chiếc xe mô tô đang đi và nói đây là xe của vợ M, do vợ đang ốm nằm viện nên nhờ bán. Đ kiểm tra xe và giấy đăng ký xe rồi trả giá là 18.000.000 đồng, M đồng ý bán và cùng Đ viết giấy tờ mua bán xe. Sau đó Đ chuyển khoản vào số tài khoản của M số tiền 18.000.000 đồng, khi nhận được tiền M đi đến hiệu cầm đồ của Nguyễn Tiến S để chuộc chiếc xe mô tô của Vàng nhưng thấy đóng cửa nên M đi vào một quán nước gần bên xe thị xã N ngồi uống nước. Tại đây M đã sử dụng toàn bộ số tiền vừa bán xe mua tiền ảo kỹ thuật số “Bitcoin” qua chiếc điện thoại của M và đã thua mất hết toàn bộ số tiền trên. Đến ngày 09/2/2022, không còn tiền nên M mang chiếc điện thoại của bản thân đi bán ở một quán mua bán điện thoại tại thị xã N được 500.000 đồng rồi bắt xe khách đi về nhà. Khi về đến nhà thấy M không mang xe về trả cho ông Vàng A T nên ông Thênh đến hỏi M chiếc xe máy của Thênh thì M khai nhận đã mang chiếc xe máy đi bán tại một hiệu cầm đồ ở thị xã N nên Vàng A T đưa Vợ A M đến Công an huyện M để trình báo, tại Cơ quan điều tra Vợ A M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 01/KL-ĐG, ngày 11/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện M, tỉnh Yên Bái kết luận:

- Xe mô tô hai bánh; nhãn hiệu Honda, số loại: Wave RSX, màu sơn trắng - đen, số máy JA52E0188834; số khung RLHJA38560L Y044934; BKS 21K1-519.97, tình trạng đã qua sử dụng (xe được mua mới trong tháng 01/2021) hiện có giá trị là: 20.000.000 đồng.

- Xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Honda, số loại Vision, màu sơn đỏ - nâu, số máy JF86E0371342; số khung 583XKY648710; BKS 21 B2 - 016.43; tình trạng đã qua sử dụng (xe được mua mới trong tháng 02/2020) hiện có giá trị là: 22.000.000 đồng.

Vật chứng và tài sản thu giữ trong vụ án gồm:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: Honda, số loại: Weve RSX, biển kiểm soát 21K1-519.97, số khung RLHJA38560LY044934; số máy JA52E0188834; màu sơn trắng đen, tình trạng cũ, đã qua sử dụng; 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 21000143 mang tên Vợ A V, biển số đăng ký 21K1-519.97; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm mô tô - xe gắn máy số AA24/1704376, có ghi tên chủ xe Vợ A V, biển số đăng ký 21K1-519.97.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: Honda, Số loại: Vision, Biển kiểm soát: 21B2 - 016.43, số khung: 583XKY648710, số máy: JF86E0371342, màu sơn đỏ-nâu, tình trạng cũ, đã qua sử dụng; 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 134609, có ghi tên chủ xe: Vàng Thị C; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm mô tô - xe gắn máy số AA19/1133737, có ghi tên chủ xe: Vàng Thị C, biển kiểm soát: 21B2-016.43.

Toàn bộ số vật chứng, tài sản nêu trên quá trình điều tra xác định đây là tài hợp pháp và thuộc quyền sở hữu của Vừ A V và Vàng A T, do đó Cơ quan điều tra đã trao trả cho Vừ A V và Vàng A T.

Bản Cáo trạng số 09/ CT-VKS-MCC ngày 28/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Yên Bái đã truy tố bị cáo Vừ A M về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a, khoản 1 Điều 175 và khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; Điểm h,s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vừ A M từ 9 tháng đến một năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 174 Điểm h,s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vừ A M từ 9 tháng đến một năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội là từ một năm sáu tháng đến hai năm tù. Buộc bị cáo hoàn trả cho Nguyễn Tiến S là người đã cầm cố chiếc xe mô tô Hon da Wave RSX, biển kiểm soát: 21K1-519.97 số tiền là 12.000.000đ; hoàn trả cho Phạm Minh Đ là người đã mua chiếc xe mô tô Honda Vision, biển kiểm soát: 21B2-016.43 với số tiền là 18.000.000đ.

Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Hành vi phạm tội của bị cáo là rõ ràng, bị cáo bị truy tố về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a, khoản 1 Điều 175 và khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, sinh ra ở xã khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, gia đình khó khăn về kinh tế; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, người bị hại cũng xin giảm nhẹ cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (Đối với tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản), xử phạt bị cáo 6 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; áp dụng điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (Đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản) xử phạt 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tổng hợp hình phạt là một năm tù cho cả hai tội. Về án phí đề nghị

miễn án phí cho bị cáo. Bị cáo nhất trí với lời bào chữa của Người bào chữa, không bổ sung thêm. Khi nói lời sau cùng, bị cáo tỏ rõ sự ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không đề nghị bồi thường.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng đã được thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận về hành vi mình đã thực hiện, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện, ngày 29/01/2022, tại Bản C, xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái, Vũ A M đã có hành vi mượn chiếc xe Honda Wave RSX, biển kiểm soát: 21K1-519.97, trị giá 20.000.000 đồng rồi đem cầm cố được 12.000.000đ tiêu xài cá nhân hết. Ngày 05/02/2022, tại bản T, xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái, bằng hành vi hỏi mượn chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, Vision, BKS 21 B2 - 016.43; trị giá 22.000.000 đồng, sau đó đem bán được 18.000.000đ lấy tiền tiêu xài hết. Như vậy, đã có đủ cơ sở để khẳng định hành vi nêu trên của Vũ A M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a, khoản 1 Điều 175 và khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần có một mức án nghiêm minh, phù hợp với tính chất mức độ của hành vi mà bị cáo đã gây ra, đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân Vũ A M, là người dân tộc thiểu số, sinh ra và lớn lên tại xã khó khăn nên nhận thức và hiểu biết pháp luật hạn chế, bị cáo không có tiền án tiền sự nên xác định là người có nhân thân tốt, tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tại phiên tòa người bị

hại xin giảm nhẹ cho bị cáo, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm h,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ xung là phạt tiền.

[4] Với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo, xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội

[5] Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm. Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng trong hồ sơ vụ án đều đề nghị bị cáo bồi hoàn số tiền đã bỏ ra cầm cố và mua xe, bị cáo cũng đồng ý và nhất trí bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Cụ thể Vừ A M phải bồi thường cho anh Nguyễn Tiến S số tiền 12.000.000đ; bồi thường cho anh Phạm Minh Đ số tiền 18.000.000đ.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đã xử lý trong giai đoạn điều tra.

[7] Đối với Nguyễn Tiến S là người đã cầm cố chiếc xe mô tô Honda, Wave RSX, biển kiểm soát: 21K1-519.97 của bị can Vừ A M. Quá trình điều tra Sơn không biết chiếc xe này là tài sản do bị can phạm tội có được, đây là lần đầu Sơn cầm cố tài sản do người khác phạm tội mà có, Sơn đã tự giác khai báo và giao nộp chiếc xe mô tô này cùng giấy tờ xe cho Cơ quan điều tra, quá trình kinh doanh dịch vụ cầm đồ Sơn được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh theo quy định. Do đó không đặt vấn đề xử lý đối với Nguyễn Tiến S.

Đối với Phạm Minh Đ là người đã mua chiếc xe mô tô Honda, Vision, biển kiểm soát: 21B2-016.43 của bị can Vừ A M. Quá trình điều tra Đ đã tự giác khai báo và giao nộp chiếc xe mô tô cùng giấy tờ xe, khi cầm cố tài sản Đ không biết chiếc xe mô tô này là tài sản do bị can phạm tội mà có, đây là lần đầu Đ mua phải tài sản do người khác phạm tội mà có, quá trình kinh doanh dịch vụ cầm đồ Đ được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh hoạt động theo quy định. Do đó không đặt vấn đề xử lý đối với Phạm Minh Đ.

Phạm Thị H và Vàng A T là những người được Vừ A M dùng số tiền cầm cố, bán xe mô tô để trả nợ. Quá trình điều tra Phạm Thị H và Vàng A T không biết số tiền trên là tiền do phạm tội mà có, hiện nay H và T đã sử dụng hết số tiền trên nên không đặt ra yêu cầu xử lý đối với Phạm Thị H và Vàng A T.

Hành vi Vừ A M mua tiền kỹ thuật số “Bitcoin” trên mạng, nhưng hiện nay bị cáo đã bán chiếc điện thoại của bản thân, không nhớ địa chỉ truy cập và cách thức thực hiện giao dịch, không nhớ những người thực hiện các giao dịch chuyển khoản là ai, Cơ quan CSĐT – Công an huyện M đã ủy thác điều tra xác minh những người thực hiện giao dịch qua tài khoản ngân hàng với bị can Vừ A M nhưng đến nay chưa nhận được kết quả ủy thác. Khi nhận được kết quả ủy thác nếu phát hiện Vừ A M có dấu hiệu phạm tội mới, thì sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 21B2-18.567, Vừ A M đã sử dụng để đi mượn chiếc xe mô tô Honda Vision, biển kiểm soát: 21B2-016.43 của Vàng A T. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản chung, hợp pháp của Vừ A M và Vàng Thị S. Khi điều khiển chiếc xe mô tô này đi mượn chiếc xe mô tô của T, M không nói cho S biết và S cũng không biết việc M sử dụng chiếc xe máy đi mượn xe máy của T. Nên Cơ quan điều tra không đặt ra yêu cầu thu giữ, xử lý chiếc xe này.

[8] Về án phí: Bị cáo được miễn án phí sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ vào Điều 175 và Điều 174 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Vừ A M phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 175; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự; xử phạt Vừ A M 07 (Bảy) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 13/02/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự; xử phạt Vừ A M 09 (Chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 13/02/2022.

Áp dụng điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt cho cả hai tội là 01 (Một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 13/02/2022.

Áp dụng điều 48 của bộ luật hình sự ; điều 584,585,589 của Bộ luật dân sự; Buộc bị cáo Vừ A M bồi thường cho anh Nguyễn Tiến S 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng); bồi thường cho anh Phạm Minh Đ số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng).

Kể từ ngày anh Nguyễn Tiến S và anh Phạm Minh Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo chưa trả số tiền nêu trên thì phải chịu lãi xuất chậm trả theo quy định tại điều 357, 468 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-

2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho bị cáo.

- Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKS tỉnh Yên Bái
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- VKS huyện M;
- Công an huyện M;
- THA huyện M;
- Người bào chữa;
- Bị cáo;
- Bị hại ;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Hồ sơ THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**  
**(ĐK)**

**Nguyễn Mạnh Hùng**